UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1805 /BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 8 năm 2016.

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác tháng 8/2016 và nhiệm vụ công tác tháng 9/2016.

Thực hiện Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 16/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành quy định về một số giải pháp chủ yếu điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2016;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện công tác tháng 8/2016 và nhiệm vụ công tác tháng 9/2016, như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác tháng 8/2016

1. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

Hoàn thiện trình UBND tỉnh: (1) Quyết định ban hành Quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với Uỷ ban nhân dân cấp huyện, các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã với Uỷ ban nhân dân cấp xã; (2) Đề án nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020.

Thực hiện điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025; Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025 định hướng đến năm 2035; Quy hoạch phát triển Thủy sản tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035: đã lựa chọn đơn vị tư vấn đang tổ chức rà soát hiện trạng và xây dựng quy hoạch.

Hoàn thiện Kế hoạch kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công năm 2017 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết sản xuất mía đường niên vụ 2015-2016, triển khai nhiệm vụ phát triển mía đường niên vụ 2016-2017; đánh giá kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp thủy sản vụ mùa và thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang.

2. Công tác chỉ đạo sản xuất nông lâm nghiệp

2.1. Về trồng trọt và công tác đảm bảo sản xuất: Phối hợp với các huyện, thành phố hướng dẫn, đôn đốc nông dân tổ chức sản xuất vụ mùa, vụ hè thu năm

2016 theo khung thời vụ[1]. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh chính sách hỗ trợ cây vụ đông trên chân ruộng 2 vụ *(Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 22/8/2016).*

Thực hiện rà soát, đánh giá các cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh, đề xuất giải pháp thực hiện quản lý kinh doanh thuốc bảo vệ thực trong thời gian tới.

Chỉ đạo, hướng dẫn các xã, Hợp tác xã NLN và các Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi cơ sở thường xuyên kiểm tra đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa lũ, điều tiết nước tưới tiêu hợp lí phục vụ sản xuất.

Tiếp tục triển khai thực hiện các đề tài, dự án: Thực hiện Đề án phát triển vùng sản xuất cam sành tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2014-2020; mô hình trồng chè tại tỉnh Xiêng Khoảng, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; mô hình trồng thí điểm giống cam BH32; đề tài Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ tuyển chọn, nhân giống cam không hạt và nâng cao hiệu quả sản xuất cam *(hiện nay 3 giống cam sành, cam mật, Valencia sinh trưởng, đang ra lộc rải rác, các cây phát triển bình thường)*;

Thực hiện đề tài nghiên cứu ứng dụng sử dụng chế phẩm nấm ký sinh MetachiumSP trừ rầy nâu-rầy lưng trắng trên lúa, đang tiếp tục điều tra diễn biến của rầy tại các điểm thực hiện mô hình đồng thời hoàn thiện các thủ tục để nghiệm thu đề tài cấp cơ sở.

2.2. Chăn nuôi, thú y, thủy sản

Tiếp tục kiểm tra hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh trong mùa mưa lũ cho đàn gia súc, gia cầm; hướng dẫn chăn nuôi theo hướng an toàn dịch bệnh. Tổ chức tiêm phòng bổ xung các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm[2]; tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn cơ sở trong việc thực hiện công tác quản lý giống vật nuôi trên địa bàn, trong tháng, hướng dẫn 02 cơ sở chăn nuôi tập trung hoàn thiện các điều kiện thực hiện công bố tiêu chuẩn giống vật nuôi. Tổ chức ký cam kết chăn nuôi an toàn không sử dụng các loại chất cấm trong chăn nuôi đối với các hộ chăn nuôi có quy mô lớn *(đã tổ chức ký cam kết cho 272/272 cơ sở chăn nuôi).*

Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, quản lý chất lượng giống thủy sản; nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản có hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

2.3. Công tác quản lý chất lượng nông lâm thuỷ sản

Tổ chức kiểm tra, giám sát 160 cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh; phát hiện 01 cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam (*đã xử phạt với số tiền 13.000.000 đồng);* lấy 23 mẫu rau, củ quả, chè để kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm *(kết quả*

---

[1] Đến ngày 25/8/2015: Diện tích cấy lúa 25.120 ha, đạt 100,5% KH, lúa đã trỗ 3.192 ha, đạt 13%; Diện tích trồng ngô 4.315 ha đạt 112,7% KH; Diện tích cây lạc 1.066,6 ha, đạt 106,4% KH; Diện tích cây đậu tương 498,9 ha, đạt 92,4% KH.

[2] Kết quả tiêm phòng vụ xuân hè: Vắc xin LMLM đạt 87,4% KH; vắc xin THT đạt 78,4% KH. Đàn bò: Vắc xin LMLM đạt 98% KH; vắc xin THT đạt 89,3% KH. Đàn lợn: ***Vắc xin LMLM tiêm cho đàn lợn nái, đực giống đạt 45,6% KH***; vắc xin THT đạt 71% KH; dịch tả đạt 106,8% KH. Đàn gia cầm: ***Vắc xin THT đạt 66,3% KH***; Newcastle đạt 75,6% KH. Tiêm phòng chó dại đạt 27% KH (bằng 102% so với cùng kỳ năm 2015).

tại thời điểm kiểm tra các cơ sở chấp hành đúng các quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh theo quy định; không phát hiện tồn dư, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật); tổ chức 03 lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến văn bản pháp luật mới cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và thực phẩm nông lâm thủy sản.

2.4. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Kết quả thực hiện đến ngày 25/8/2016 trồng được 10.802,3 ha đạt 103% KH[3]. Đôn đốc các công ty Lâm nghiệp thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty. Thực cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC đảm bảo tiến độ kế hoạch (*tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ là 11.462,53 ha/17.188,16 ha, đạt 66,69%)*; Ngoài ra, Công ty Cổ phần Woodsland Tuyên Quang đã triển khai thành lập nhóm hộ tại 03 xã huyện Yên Sơn và hoàn thiện hồ sơ đánh giá, đang chờ FSC cấp chứng chỉ rừng trồng hộ gia đình.

Xây dựng kế hoạch diễn tập phòng cháy chữa cháy rừng năm 2016 tại huyện Chiêm Hóa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Tăng cường công tác nắm bắt thông tin, chủ động trong công tác đấu tranh ngăn chặn, xử lý, giải quyết các hành vi vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng. Trong tháng 8/2015, kiểm tra, phát hiện và xử lý 39 vụ vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng (*giảm 24 vụ so với tháng 7/2015*), tịch thu 16 phương tiện; 29,17m^3 gỗ các loại (*trong đó gỗ quý hiếm 8,8m^3*); thu nộp ngân sách 319,2 triệu đồng.

3. Chương trình phát triển nông thôn

Tham mưu thực hiện luật phòng chống thiên tai; chỉ đạo thực hiện đề phòng ứng phó các cơn bão số 1,3 và thường trực theo dõi tình hình thiên tai, tổng hợp báo cáo kịp thời theo quy định.

Kiểm tra tiến độ di chuyển dân cư năm 2016 tại huyện Chiêm Hóa, Lâm Bình theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hướng dẫn, đôn đốc các huyện thực hiện di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, bố trí sắp xếp ổn định dân cư theo kế hoạch được giao, đến nay đã di chuyển được 86/102 hộ đạt 84,3% kế hoạch.

Đôn đốc các huyện, thành phố thực hiện Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại và cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh; kết quả đến nay Ngân hàng đã giải ngân cho vay được: 140.641,5 triệu đồng (*trong đó: chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa 81.413,5 triệu đồng; chính sách phát triển kinh tế trang trại 59.228 triệu đồng*); hoàn thiện hướng dẫn trình tự, hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

---

[3] Trồng rừng tập trung 10.401,7 ha, đạt 102,5%; trồng cây phân tán quy diện tích 400,6 ha; khai thác 3.523,4 ha, sản lượng 440.299 m^3 gỗ rừng trồng đạt 57,6% KH;

Hướng dẫn, đôn đốc các HTX chuyển đổi và hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Đến nay đã tiến hành củng cố, chuyển đổi hoạt động theo Luật được 130/164 HTX[4], trong tháng đã chuyển đổi được 21 HTX, giải thể 03 HTX yếu kém; cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại cho 411/426 trang trại đạt 96%.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Thực hiện rà soát, kiểm tra thực tế các nội dung cụ thể kế hoạch xây dựng nông thôn mới tại 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tiến độ thực hiện các tiêu chí phải thực hiện để đạt chuẩn nông thôn mới và kiến nghị, đề xuất giải pháp thực hiện những tiêu chí chưa hoàn thành; Tổ chức đoàn cán bộ đi học tập kinh nghiệm về xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nghệ An và tỉnh Quảng Nam theo kế hoạch.

4. Về thực hiện Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn

Tiếp tục thực hiện các hoạt động thực thi Dự án VIE/035 theo Bản thỏa thuận hợp tác sử dụng nguồn vốn hỗ trợ và thực thi dự án đã ký kết và các kế hoạch được phê duyệt.

Phối hợp với các nhóm Tư vấn nghiên cứu thị trường cho các chuỗi giá trị, tiến hành tổ chức các hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu thị trường, kế hoạch marketing và Kế hoạch phát triển chuỗi giá trị giai đoạn 2016-2020; tổ chức tập huấn liên kết nông dân với thị trường và xúc tiến thương mại trong phát triển chuỗi giá trị cho cán bộ sở nông nghiệp, cán bộ dự án vie/035, TNSP, các đơn vị thực hiện chuỗi giá trị.

5. Công tác giải quyết thủ tục hành chính, thanh tra tiếp dân

* *Thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính:* Trong tháng 8 đã tiếp nhận 275 hồ sơ. Trong đó: Số hồ sơ tiếp nhận từ tháng 07/2016 chuyển sang là 37 hồ sơ; tiếp nhận mới là 238 hồ sơ.

- Số hồ sơ đã giải quyết: 227 hồ sơ, trong đó: Giải quyết trước thời hạn từ 1 đến 5 ngày là 07 hồ sơ.

- Số hồ sơ trả lại 06 hồ sơ do trong quá trình thẩm định không đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo quy định.

- Số hồ sơ đang trong thời gian giải quyết: 42 hồ sơ.

* *Công tác thanh tra, tiếp dân:* Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản; Tiếp nhận 01 đơn đề nghị và giải quyết xong đơn tố cáo thực hiện Chuỗi giá trị lợn tại xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang; Tổng hợp kết quả 10 năm thực hiện Chỉ thị số 02-CT/TU ngày 18/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác giải quyết khiếu nại tố cáo.

6. Hạn chế khó khăn:

- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư còn chậm so với kế hoạch, nhất là đối với các công trình, dự án thuộc nguồn vốn Chương trình 135, Chương trình xây dựng nông thôn mới.

---

[4] huyện Lâm Bình 12/13 HTX; Na Hang 11/16 HTX,; Chiêm Hóa 29/31 HTX; Hàm Yên 20/26 HTX; Yên Sơn 27/31 HTX; Sơn Dương 21/36 HTX;thành phố Tuyên Quang 10/11 HTX.

- Xây dựng nông thôn mới, một số chỉ tiêu, tiêu chí chưa tập trung chỉ đạo quyết liệt *(nhà ở dân cư, môi trường...);* kết quả kiểm tra tiêu chí môi trường cho thấy việc thu gom và xử lý chất thải, rác thải theo quy định chưa đảm bảo yêu cầu; việc xây dựng 03 công trình vệ sinh, hầm Biogas, chỉnh trang nhà cửa, cải tạo vườn tạp, vệ sinh môi trường chưa được tích cực triển khai.

II. Nhiệm vụ, công tác tháng 9 năm 2016

1. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Phương án chuyển đổi các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025; Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025 định hướng đến năm 2035; Quy hoạch phát triển Thủy sản tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035.

- Tiếp tục phối hợp với ngành, các huyện, thành phố đẩy nhanh việc thực hiện cơ chế hỗ trợ sản xuất hàng hóa, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản và hỗ trợ phát triển trang trại; tổ chức thực hiện có hiệu quả các biện pháp đảm bảo sản xuất vụ đông, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các huyện, các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đảm bảo hết năm 2016 có thêm 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới *(Côn Lôn, Đức Ninh, Vinh Quang, Nhữ Hán, Ninh Lai, Lưỡng Vượng)*.

2. Công tác chỉ đạo sản xuất nông lâm nghiệp

2.1. Trồng trọt và công tác phục vụ sản xuất

Theo dõi chặt chẽ tình hình sâu bệnh hại cây trồng, đề xuất biện pháp chỉ đạo, hướng dẫn, chỉ đạo các huyện, thành phố tổ chức sản xuất đảm bảo tiến độ, kịp thời giải phóng đất và chuẩn bị tốt mọi điều kiện mở rộng diện tích trồng cây ngô lấy hạt vụ đông. Chỉ đạo hệ thống khuyến nông cơ sở tổ chức tập huấn sản xuất vụ đông 2016; tăng cường phổ biến ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả. Tổ chức thực hiện, theo dõi đánh giá các mô hình giống mới đưa vào gieo trồng trên địa bàn tỉnh tại các điểm triển khai mô hình.

Tiếp tục thực hiện kiểm tra các cơ sở kinh doanh giống cây trồng và thuốc bảo vệ thực vật tại các huyện thành phố, xử lý các trường hợp kinh doanh chưa đủ điều kiện theo quy định.

2.2. Chăn nuôi, thú y, thủy sản

Hoàn thiện Quy định về định mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2015-2020; Phối hợp với Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố chuẩn bị các điều kiện tổ chức triển khai tháng cao điểm tiêm phòng vụ thu đông năm 2016; thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh và công tác kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y trên địa bàn tỉnh.

Quản lý chặt chẽ việc khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thuỷ sản trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh giống thủy sản; nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản có hiệu quả.

2.3. Công tác quản lý chất lượng nông lâm thuỷ sản

Tiếp tục thực hiện kiểm tra chất lượng giống, vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Tăng cường kiểm tra giám sát chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trong dịp Tết Trung thu 2016.

2.4. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Tiếp tục kiểm tra, đôn đốc các huyện thành phố hoàn thành kế hoạch khai thác rừng trồng, khai thác tre nứa 2016. Hoàn thiện thủ tục, hồ sơ hành chính kiểm kê rừng tỉnh Tuyên Quang. Đôn đốc UBND các huyện, thành phố đẩy nhanh tiến độ thực hiện giao rừng theo Quyết định 258/QĐ- UBND ngày 07/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện tốt diễn tập chữa cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn huyện Chiêm Hóa theo kế hoạch của tỉnh. Nắm chắc tình hình cơ sở, chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng.

3. Chương trình phát triển nông thôn

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Phương án phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai; thường trực, theo dõi nắm bắt thông tin, báo cáo kịp thời về tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Hoàn thiện các thủ tục để tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về thực hiện cứng hóa kênh mương bằng công nghệ bê tông thành mỏng đúc sẵn tại xã Đại Phú huyện Sơn Dương và xã Khuôn Hà huyện Lâm Bình; Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ xây dựng kênh mương, đường giao thông nội đồng, nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân nhân gắn với sân thể thao và khuôn viên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Kiểm tra, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, các xã thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới tại 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới về đích năm 2016 theo Quyết định số 172/QĐ-UBND; đôn đốc các xã đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình và giải ngân các nguồn vốn được giao đảm bảo đúng kế hoạch. Phối hợp với UBND huyện, thành phố hoàn thiện Đề án kiện toàn Bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh, huyện, thành phố và các xã theo Quyết định 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính; xây dựng Chương trình phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với Hội Cựu chiến binh tỉnh, giai đoạn 2016-2020.

4. Về thực hiện Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn

Tiếp tục thực hiện các hoạt động thực thi Dự án VIE/035 theo Bản thỏa thuận hợp tác sử dụng nguồn vốn hỗ trợ và thực thi dự án đã ký kết và các kế hoạch được phê duyệt; hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện nghiên cứu thị

trường, lập kế hoạch maketing và kế hoạch phát triển chuỗi giá trị giai đoạn 2016-2020; duy trì công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm của các Hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh.

5. Công tác cải cách hành chính, thanh tra tiếp dân

Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính của các đơn vị thuộc Sở. Tiếp tục thực hiện hiện tốt công tác cải cách hành chính và tăng cường việc giải quyết các thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đúng và trước thời hạn quy định.

Thực hiện tiếp nhận hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đúng và trước thời hạn quy định; thường trực công tác tiếp dân; tham mưu xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, đề nghị của công dân theo thẩm quyền.

Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy:
- HĐND tỉnh: (Báo cáo);
- UBND tỉnh:
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Đảng uỷ;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT; KH-TC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Công Nông

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP (đến ngày 25/8/2016)

Kèm theo báo cáo số 1805/BC-SNN ngày 29/8/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T.phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
I	**SẢN XUẤT VỤ MÙA 2016**									
1	**Cây lúa kế hoạch**	**ha**	**24.996**	**6.270**	**5.410**	**1.291**	**3.640**	**5.470**	**1.435**	**1.480**
	Trong đó: Lúa lai	ha	12.171	2.200	2.950	451	2.220	2.470	850	1.030
	Lúa thuần	ha	12.825	4.070	2.460	840	1.420	3.000	585	450
1.1	**Diện tích đã gieo cấy**	**ha**	**25.120**	**6.349**	**5.466**	**1.291**	**3.651**	**5.475**	**1.413**	**1.475**
	Đạt % so với kế hoạch	*%*	*100,5*	*101,3*	*101,0*	*100,0*	*100,3*	*100,1*	*98,5*	*99,7*
	Trong đó: Lúa lai	ha	10.914	2.563	2.985	431	1.275	2.315	669	676
	Đạt % so với kế hoạch	*%*	*89,7*	*116,5*	*101,2*	*95,5*	*57,4*	*93,7*	*78,7*	*65,6*
	Lúa thuần	ha	14.206	3.786	2.481	860	2.376	3.160	745	799
	Đạt % so với kế hoạch	*%*	*110,8*	*93,0*	*100,8*	*102,4*	*167,3*	*105,3*	*127,3*	*177,6*
	Trong đó diện tích Gieo sạ	ha	1.079	95,0	482,0	500,4			2,0	
1.2	**Diện tích lúa trỗ**	**ha**	**3.192**	**721**	**314**		**130**	**1.777**	**248**	**3**
	Đạt % so với diện tích lúa cấy	*%*	*12,7*	*11,4*	*5,7*	-	*3,6*	*32,5*	*17,5*	*0,2*
2	**Cây ngô Kế hoạch**		**3.830**	**850**	**600**	**110**	**670**	**960**	**450**	**190**
2.1	**Diện tích đã trồng**	**ha**	**4.315**	**907**	**811**	**158**	**712**	**1.026**	**512**	**190**
	Đạt % so với kế hoạch	*%*	*112,7*	*106,7*	*135,1*	*143,4*	*106,3*	*106,8*	*113,7*	*100,0*
2.2	**Diện tích đã trỗ cờ**	**ha**	**554**	**171**	**42**			**328**		**13**
	Đạt % so với diện tích đã trồng	*%*	*12,8*	*18,8*	*5,2*	-	-	*32,0*	-	*6,8*
3	**Cây lạc KH**		**1.002**		**80,0**	**12,0**	**70,0**	**760,0**	**15,0**	**65,0**
	Diện tích đã trồng	ha	1.066,6	37,3	77,1	11,0	66,6	763,6	46,0	65,0
	Đạt % so với kế hoạch	*%*	*106,4*		*96,4*	*91,7*	*95,1*	*100,5*	*306,7*	*100,0*
4	**Cây Đậu tương KH**		**540**	**50,0**	**120,0**		**35,0**	**50,0**	**285,0**	
	Diện tích đã trồng	ha	498,9	24,0	121,3		21,5	37,8	294,3	
	Đạt % so với kế hoạch	*%*	*92,4*	*48,0*	*101,1*		*61,4*	*75,6*	*103,3*	
III	**LÂM NGHIỆP**									
1	**Trồng rừng**									

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T.phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
1.1	**Kế hoạch trồng rừng năm 2016**	**ha**	**10.500**	**1.925**	**2.930**	**205**	**2.470**	**1.470**	**850**	**650**
a	**Trồng rừng tập trung**	**ha**	**10.150**	**1.900**	**2.850**	**200**	**2.400**	**1.400**	**800**	**600**
	- Trồng rừng sản xuất	ha	9.900	1.900	2.800	200	2.400	1.400	700	500
	+ Tổ chức	ha	1.895	*200*	*435*	*30*	*730*	*500*		
	+ Hộ gia đình, cá nhân	ha	8.005	*1.700*	*2.365*	*170*	*1.670*	*900*	*700*	*500*
	- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng	ha	250		50				100	100
b	**Trồng cây phân tán (Quy diện tích)**	**ha**	**350**	**25**	**80**	**5**	**70**	**70**	**50**	**50**
1.2	**Kết quả trồng rừng**	**ha**	**10.802,3**	**1.956,1**	**3.021,8**	**184,5**	**2.539,7**	**1.600,9**	**829,4**	**669,9**
	Đạt % so với kế hoạch	*%*	*102,9*	*101,6*	*103,1*	*90,0*	*102,8*	*108,9*	*97,6*	*103,1*
a	**Trồng rừng tập trung**	**ha**	**10.401,7**	**1.929,1**	**2.931,3**	**176,1**	**2.466,5**	**1.506,6**	**779,4**	**612,7**
	Đạt % so với kế hoạch	*%*	*102,5*	*101,5*	*102,9*	*88,1*	*102,8*	*107,6*	*97,4*	*102,1*
	- Trồng rừng sản xuất	ha	10.141,0	1.929,1	2.870,6	176,1	2.466,5	1.506,6	679,4	512,7
	+ Tổ chức, doanh nghiệp	ha	1.783,6	194,4	365,0	67,4	756,8	400,0	-	-
	+ Hộ gia đình, cá nhân	ha	8.357,4	1.734,7	2.505,6	108,7	1.709,7	1.106,6	679,4	512,7
	- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng	ha	260,7	-	60,7	-	-	-	100,0	100,0
b	**Trồng cây phân tán (Quy diện tích)**	**ha**	**400,6**	**27,0**	**90,5**	**8,4**	**73,2**	**94,3**	**50,0**	**57,2**
2	**Khai thác**									
2.1	**Kế hoạch khai thác**									
a	**Gỗ rừng trồng**									
	- Diện tích	**ha**	**9.400**	**2.000**	**2.800**	**200**	**2.400**	**1.400**	**350**	**250**
	- Sản lượng gỗ	**m3**	**765.000**	**164.200**	**228.000**	**16.200**	**194.200**	**113.500**	**28.250**	**20.650**
	Trong đó: + Doanh nghiệp	m3	117.000	20.000	26.000	3.000	48.000	20.000		
	+ Cá nhân, hộ gia đình	m3	648.000	144.200	202.000	13.200	146.200	93.500	28.250	20.650
b	**Tre, nứa**	**Tấn**	**22.100**	**100**	**7.000**			**8.000**	**2.000**	**5.000**
2.2	**Kết quả thực hiện**									
a	**Khai thác gỗ rừng trồng**									
	- Diện tích	**ha**	**3.523,4**	**629,8**	**623,1**	**93,1**	**634,6**	**883,7**	**360,7**	**298,5**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T.phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
	- Sản lượng gỗ	**m3**	**440.299**	**59.393**	**50.518**	**22.936**	**201.140**	**76.757**	**18.726**	**10.829**
	Đạt % so với kế hoạch khai thác	*%*	*57,6*	*36,2*	*22,2*	*141,6*	*103,6*	*67,6*	*66,3*	*52,4*
	Trong đó: + Doanh nghiệp	m3	90.146	21.228	19.011	6.236	29.314	14.357	-	-
	Đạt % so với kế hoạch khai thác	*%*	*77,0*	*106,1*	*73,1*	*207,9*	*61,1*	*71,8*		
	+ Cá nhân, hộ gia đình	m3	350.152,7	38.165,4	31.506,9	16.699,7	171.825,1	62.400,4	18.725,9	10.829,4
	Đạt % so với kế hoạch khai thác	*%*	*54,0*	*26,5*	*15,6*	*126,5*	*117,5*	*66,7*	*66,3*	*52,4*
b	**Tre, nứa**	**Tấn**	**16.845**	**-**	**3.887**	**-**	**-**	**8.358**	**-**	**4.600**
	Đạt % so với kế hoạch khai thác	*%*	*76,2*	-	*55,53*			*104,48*	-	*92,00*